|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH KON TUM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |

**ĐỀ CƯƠNG**

**Tiếp xúc cử tri sau Kỳ họp thứ 6 HĐND tỉnh Khóa XII**

Sau 2,5 ngày làm việc *(từ ngày 06/12/2023 đến ngày 08/12/2023)* với tinh thần dân chủ, trách nhiệm cao trước cử tri và Nhân dân trong tỉnh, Kỳ họp thứ 6 HĐND tỉnh Khóa XII đã thành công tốt đẹp.

Kỳ họp đã tập trung đánh giá tình hình kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2023, đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm 2024; xem xét báo cáo giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ 5 HĐND tỉnh Khóa XII, các báo cáo định kỳ về hoạt động của UBND tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục thi hành án dân sự, Đoàn Hội thẩm nhân dân tỉnh; nghe Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Thông báo về hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia xây dựng chính quyền; ý kiến, kiến nghị của Nhân dân địa phương. Thay mặt Tổ đại biểu, tôi xin báo cáo để cử tri và Nhân dân rõ thêm một số vấn đề trọng tâm như sau:

**I. Thông báo kết quả Kỳ họp thứ 6 HĐND tỉnh khóa XII** *(Thông báo số 54/TB-TTHĐND ngày 14/12/2023 của Thường trực HĐND tỉnh)*

Tại kỳ họp thứ 6, HĐND tỉnh đã thông qua 27Nghị quyết: Cụ thể như sau:

1. Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 về xác nhận kết quả lấy phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu, nhiệm kỳ 2021-2026.

2. Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2024.

3. Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 về dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách tỉnh năm 2024.

4. Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2024 tỉnh Kon Tum.

5. Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 về phê duyệt kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

6. Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 về kế hoạch vay, trả nợ công năm 2024.

7. Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 về phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương và phân bổ kết dư ngân sách tỉnh năm 2022.

8. Nghị quyết số 67/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 Quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện công lập và cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; mức chi thù lao, hỗ trợ đối với người thực hiện công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

9. Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 Quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

10. Nghị quyết số 69/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 Ban hành Quy định về phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

11. Nghị quyết số 70/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Kon Tum năm 20243.

12. Nghị quyết số 71/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 Ban hành Quy định nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

13. Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 Ban hành Quy định nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất nông nghiệp; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

14. Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 về Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

15. Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa vào mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

16. Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông từ cầu Drai đến đường Tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le (Đoạn Km7+316,41 - Km12+482,07).

17. Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, bổ sung các trang thiết bị quan trắc môi trường.

18. Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 về phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách địa phương năm 2023 (đợt 3).

19. Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2023.

20. Nghị quyết số 79/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 Quy định chức danh, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

21. Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 về số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2024.

22. Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 Phê duyệt Làng Le, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy thuộc đối tượng đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa cơ sở hạ tầng thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 9 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

23. Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 về kết quả giám sát tình hình triển khai công tác đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

24. Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 về thành lập Đoàn giám sát tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

25. Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ trong năm 2024.

26. Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 về kinh phí hoạt động của HĐND tỉnh năm 2024.

27. Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 6.

**II. Nội dung chủ yếu của một số Nghị quyết HĐND tỉnh đã thông qua** *(Văn phòng chỉ chọn lọc nội dung một số Nghị quyết. Đề nghị đại biểu tiếp tục lựa chọn để trình bày cho phù hợp với cử tri ở từng địa bàn ứng cử, từng vùng trong tỉnh)*

**1. Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2024.**

**1.1. Mục tiêu tổng quát**

Huy động, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng, lợi thế của tỉnh; đẩy mạnh phát triển dược liệu, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn với công nghiệp chế biến; đầu tư phát triển đô thị, du lịch, dịch vụ và tăng cườngcải cách hành chính; đẩy mạnh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm của tỉnh; quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ tài nguyên môi trường, chủ đông phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế từ 10% trở lên, với cơ cấu hợp lý. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, tăng cường hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và mức sống của Nhân dân; bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn; bảo đảm an sinh xã hội; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và đẩy mạnh đổi mới sáng tạo. Giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh; mở rộng quan hệ đối ngoại.

**1.2. Một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2024**

**a) Về kinh tế**

- Tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh đạt từ **10%** trở lên.

- GRDP bình quân đầu người trên **63,7 triệu đồng**.

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn từ **4.600 tỷ đồng** trở lên.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội từ **30.000** tỷ đồng trở lên (*trong đó vốn đầu tư khu vực tư nhân 22.500 tỷ đồng*).

- Trồng mới ít nhất: **2.000 ha** cây ăn quả (*trong đó, 500 ha sầu riêng, chanh dây 1000 ha, chuối 100 ha, cây có múi 80 ha, dứa 50 ha, cây ăn quả khác 270 ha*); **500 ha** cây Mắc ca; **500 ha** Sâm Ngọc Linh; **1.560 ha** cây dược liệu khác.

- Tổng đàn bò **100.000 con**; tổng đàn trâu **25.000 con**.

- Trồng mới trên **3.000 ha rừng**.

- Phấn đấu có thêm **05 xã** đạt chuẩn nông thôn mới.

- Phấn đấu có **1.700.000** lượt khách du lịch đến tỉnh.

**b) Về văn hóa - xã hội và môi trường**

- Dân số trung bình năm 2024 khoảng **601.000 người**.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm ít nhất **3-4%/năm**.

- Tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số có đất ở đạt **99,03%**.

- Tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số có đất sản xuất đạt **98,97%**.

**c) Về quốc phòng, an ninh:**Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố đạt **90%** trở lên; tội phạm về trật tự xã hội giảm **5%**.

**1.3.** **Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu**

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2024, góp phần thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội XVI Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021- 2025, Hội đồng nhân dân tỉnh nhấn mạnh một số nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Triển khai thực hiện kịp thời và hiệu quả các quy hoạch sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt (*cụ thể: Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen, huyện Kon Plông đến năm 2045; Quy hoạch chung thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông đến năm 2035; Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Kon Tum đến năm 2040;...*). Triển khai khai thực hiện tốt Thông báo số 376/TB-VPCP ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Kon Tum; trong đó, tập trung hoàn thành việc trình cấp có thẩm quyền xem xét thông qua Đề án phát triển tỉnh Kon Tum nhanh và bền vững theo tinh thần Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị.

2. Tập trung huy động, khai thác nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế để đầu tư kết cấu hạ tầng, đặc biệt đối với các dự án có sức lan tỏa rộng và tác động lớn tới phát triển kinh tế, nhất là các vùng kinh tế động lực của tỉnh. Có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt, sớm khắc phục các tồi tại, hạn chế để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm 2024. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư và tập trung nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, đặc biệt các dự án trọng điểm của tỉnh. Kiên quyết loại bỏ những dự án không thật sự cần thiết, không để tình trạng đầu tư dàn trải, gây lãng phí, kém hiệu quả.

3. Tổ chức thực hiện tốt thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới, đồng thời đẩy mạnh phát triển sản xuất để tạo nguồn thu. Đẩy nhanh tiến độ đấu giá các trụ sở nhà đất để tạo nguồn thu đầu tư kết cấu hạ tầng. Triển khai quyết liệt các giải pháp về quản lý, xử lý thu hồi nợ đọng thuế. Cơ cấu, sắp xếp lại nhiệm vụ chi cho phù hợp, ưu tiên những nhiệm vụ cấp thiết, mang tính đột phá. Điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán, bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, theo hướng tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính.

4. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Tỉnh ủy "*về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu, ứng dụng công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030*". Mở rộng và phát triển bền vững các loại cây trồng chủ lực như cây ăn quả, Mắc ca, Sâm Ngọc Linh và các cây dược liệu khác; khôi phục và phát triển cà phê xứ lạnh. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện xây dựng sản phẩm OCOP đạt chuẩn. Thực hiện quyết liệt, đảm bảo tiến độ trồng mới diện tích rừng và cây phân tán trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch.

5. Cơ cấu lại thực chất ngành công nghiệp theo hướng tập trung vào một số ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh và ý nghĩa chiến lược đối với tăng trưởng nhanh, bền vững gắn kết với bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh xuất khẩu, tập trung phát triển, nâng cao năng lực xuất khẩu những sản phẩm thế mạnh của địa phương. Tập trung đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng các khu, cụm công nghiệp để thu hút các doanh nghiệp, nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà máy chế biến: Gỗ; trái cây; sâm Ngọc Linh và dược liệu khác; sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp;...

6. Tập trung phát triển, khai thác các ngành dịch vụ có lợi thế. Nâng cao tính chuyên nghiệp, chất lượng dịch vụ du lịch. Khai thác tối đa tiềm năng lợi thế về cảnh quan thiên nhiên, bản sắc văn hóa, di tích lịch sử, di sản vật thể và phi vật thể... để thu hút du khách. Chuẩn bị chu đáo để tổ chức Festival Sâm Ngọc Linh - Kon Tum lần thứ I – Năm 2024, Tuần Văn hóa - Du lịch tỉnh Kon Tum lần thứ 5 năm 2024 đảm bảo thành công và gây ấn tượng trong lòng du khách.

7. Tập trung cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Tăng cường năng lực và đổi mới hoạt động xúc tiến đầu tư, thúc đẩy khởi nghiệp. Phấn đấu duy trì chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); nâng cao chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX) và chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS).

8. Thực hiện rà soát, sắp xếp, củng cố mạng lưới trường lớp học, huy động có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường thiết bị dạy học đảm bảo chuẩn hóa, đồng bộ. Củng cố và duy trì kết quả phổ cập giáo dục các cấp học và xây dựng xã hội học tập. Đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông.

9. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng y tế, nhất là tuyến cơ sở. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Nâng cao năng lực dự báo, giám sát và phát hiện sớm, chủ động triển khai có hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch bệnh.

10. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc; Kết luận số 76-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nướctrên địa bàn tỉnh, coi trọng phát triển văn hóa, xã hội ngàng tầm với phát triển kinh tế; tập trung xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, thực hiện tốt phòng trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

11. Đẩy mạnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Tập trung phát triển và có giải pháp mở rộng, phân luồng giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu việc làm; tạo chuyển biến mạnh mẽ về số lượng, cơ cấu, chất lượng và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng; bảo trợ xã hội, các chính sách an sinh xã hội. Thực hiện hiệu quả các giải pháp bảo đảm mục tiêu giảm nghèo. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách dân tộc, nhất là hỗ trợ định canh, định cư, đất ở, đất sản xuất, nhà ở đối với dân tộc thiểu số và hộ nghèo.

12. Nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trên các lĩnh vực gắn với việc xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh; đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng của các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực báo chí, xuất bản, thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở, phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh.

13. Nâng cao chất lượng quản lý Nhà nước về đất đai; chất lượng công tác thẩm định, phê duyệt báo cáo tác động môi trường. Không tham mưu cấp phép các dự án tiêu tốn nhiều năng lượng, khai thác khoáng sản không gắn với chế biến sâu, lãng phí tài nguyên, sử dụng công nghệ lạc hậu, có nguy cơ cao về gây ô nhiễm môi trường. Tích cực phòng tránh, giảm thiểu thiệt hại thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

14. Thực hiện sắp xếp, kiện toàn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo theo đúng Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ; sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Đẩy mạnh, tạo bước đột phá mới trong công tác cải cách thủ tục hành chính. Triển khai thực hiện nghiêm túc kế hoạch thanh tra, kiểm tra. Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật những vụ việc khiếu nại, tố cáo ngay từ khi phát sinh. Tăng cường đối thoại trực tiếp để giải quyết có hiệu quả những bức xúc của Nhân dân phù hợp với quy định của pháp luật.

15. Triển khai thực hiện tốt các kế hoạch, phương án về đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội. Tăng cường tuần tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm Luật Giao thông đường bộ. Quản lý chặt chẽ đoàn ra, đoàn vào, các dự án phi Chính phủ nước ngoài.

**2. Nghị quyết số 67/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 Quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện công lập và cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; mức chi thù lao, hỗ trợ đối với người thực hiện công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú trên địa bàn tỉnh Kon Tum.**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện công lập và cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; mức chi thù lao, hỗ trợ đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và người bị quản lý sau cai nghiện tại cấp xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người cai nghiện ma túy được đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Kon Tum được đưa đi cai nghiện (bắt buộc và tự nguyện) tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập; người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

b) Người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và người bị quản lý sau cai nghiện tại cấp xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác cai nghiện ma túy.

**Điều 2. Hỗ trợ chế độ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc, tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập**

Mức hỗ trợ: Thực hiện theo mức hỗ trợ của địa phương nơi có cơ sở cai nghiện mà cơ quan, người có thẩm quyền của tỉnh Kon Tum chuyển, gửi vào cơ sở cai nghiện công lập.

**Điều 3. Hỗ trợ người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng**

Chi hỗ trợ 01 (một) lần kinh phí cai nghiện đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành 03 giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP: bằng 01 (một) lần mức lương cơ sở hiện hành.

**Điều 4. Hỗ trợ người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và người bị quản lý sau cai nghiện tại cấp xã**

1. Mức chi thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: bằng 0,6 (không phẩy sáu) lần mức lương cơ sở hiện hành.

2. Mức chi hỗ trợ người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: bằng 0,6 (không phẩy sáu) lần mức lương cơ sở hiện hành.

**Điều 5.** **Nguồn kinh phí thực hiện**

Kinh phí hỗ trợ các đối tượng quy định tại Nghị quyết này do ngân sách địa phương đảm bảo và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm theo phân cấp của Luật ngân sách nhà nước.

**3. Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 Quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Kon Tum.**

**Điều 1**. **Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**Điều 2. Mức chi, nguồn kinh phí thực hiện**

1. Mức chi đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở: *Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.*

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí thực hiện các mức chi quy định tại Nghị quyết này do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị theo quy định và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

**4. Nghị quyết số 79/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 Quy định chức danh, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, trên địa bàn tỉnh Kon Tum.**

**Điều 1****. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức phụ cấp, mức hỗ trợ, mức phụ cấp kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; mức phụ cấp đối với Thôn đội trưởng, Y tế thôn; việc kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

2. Đối tượng áp dụng: Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; Thôn đội trưởng, Y tế thôn trên địa bàn tỉnh Kon Tum và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 2. Chức danh, mức phụ cấp và bố trí đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã**

1. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã, gồm 15 chức danh sau:

Văn phòng Đảng ủy; Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Tổ chức - Kiểm tra; Tuyên giáo - Dân vận; Kinh tế - Tổng hợp; Văn hóa - Xã hội; Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ; Nhân viên Thú y; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh; Phó Chủ tịch Hội Nông dân; Phó Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; Chủ tịch Hội người cao tuổi; Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ.

2. Bố trí chức danh

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ chức danh quy định tại khoản 1 Điều này, bố trí người hoạt động không chuyên trách cấp xã phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Trường hợp số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã được giao nhiều hơn số lượng chức danh quy định tại khoản 1 Điều này thì bố trí tăng thêm số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo từng chức danh phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ nhưng không vượt quá tổng số người hoạt động không chuyên trách cấp xã được giao. Trường hợp số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã được giao ít hơn số chức danh quy định tại khoản 1 Điều này thì căn cứ vào nhu cầu thực tế của địa phương bố trí chức danh cho phù hợp với số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã được giao nhằm đảm bảo các vị trí công tác đều có người đảm nhiệm để thực hiện nhiệm vụ, phù hợp với thực tiễn quản lý ở địa phương.

b) Đơn vị hành chính cấp xã loại 1, xã biên giới được bố trí 02 người hoạt động không chuyên trách đảm nhiệm chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự nhưng đảm bảo không vượt quá số lượng người hoạt động không chuyên trách được giao hằng năm tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã *(Bao gồm bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế*):

a) Đối với các chức danh: Văn phòng Đảng ủy; Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự: 1,5 mức lương cơ sở.

b) Đối với chức danh Tổ chức - Kiểm tra; Tuyên giáo - Dân vận: 1,46 mức lương cơ sở.

c) Đối với các chức danh: Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh; Phó Chủ tịch Hội Nông dân; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; Phó Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Kinh tế - Tổng hợp; Văn hóa - Xã hội; Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ; Chủ tịch Hội người cao tuổi; Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ: 1,4 mức lương cơ sở.

d) Đối với chức danh Nhân viên Thú y: 1,36 mức lương cơ sở.

4. Hỗ trợ theo trình độ đào tạo

Người hoạt động không chuyên trách cấp xã có trình độ đại học trở lên hỗ trợ 0,3 mức lương cơ sở/người/tháng. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã có trình độ cao đẳng hỗ trợ 0,2 mức lương cơ sở/người/tháng. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã có trình độ trung cấp hỗ trợ 0,1 mức lương cơ sở/người/tháng.

**Điều 3. Mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố,** **Thôn đội trưởng, Nhân viên y tế thôn và mức hỗ trợ người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố**

1. Phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (Bí thư chi bộ; Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố; Trưởng Ban công tác Mặt trận)

a) Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới; thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành tổ dân phố do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã mức phụ cấp là 1,7 mức lương cơ sở/mỗi chức danh/tháng.

b) Đối với các thôn, tổ dân phố còn lại mức phụ cấp là 1,2 mức lương cơ sở/mỗi chức danh/tháng.

2. Mức phụ cấp đối với Thôn đội trưởng, Nhân viên y tế thôn

a) Phụ cấp đối với Thôn đội trưởng bằng 0,5 mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Phụ cấp đối với Nhân viên y tế thôn: Đối với Nhân viên y tế thôn tại các thôn đặc biệt khó khăn bằng 0,5 mức lương cơ sở/người/tháng; đối với Nhân viên y tế thôn tại các thôn còn lại bằng 0,3 mức lương cơ sở/người/tháng. Đối với Nhân viên y tế thôn (là cô đỡ thôn) vừa là đối tượng thụ hưởng chính sách tại nghị quyết này đồng thời vừa là đối tượng thụ hưởng chính sách tại các văn bản khác thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

3. Mức hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

Hỗ trợ 25.000.000 đồng/thôn, tổ dân phố/năm để chi hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố. Mức chi hỗ trợ không vượt quá 0,3 mức lương cơ sở/người/tháng. Giao Hội đồng nhân cấp xã quyết định chức danh và mức hỗ trợ cụ thể đối với những người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Ngoài kinh phí hỗ trợ hoạt động nêu trên, tùy theo điều kiện khả năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trình cấp có thẩm quyền xem xét hỗ trợ bổ sung kinh phí hoạt động cho phù hợp với nhiệm vụ thực tế được giao.

**Điều 4. Việc kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp, mức hỗ trợ kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố**

1. Quy định về mức phụ cấp, mức hỗ trợ kiêm nhiệm

a) Cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố mà giảm được 01 (một) người trong số lượng được giao thì được hưởng 100% mức phụ cấp quy định của chức danh kiêm nhiệm.

b) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố mà giảm được 01 (một) người trong số lượng được giao thì được hưởng 100% mức phụ cấp, mức hỗ trợ quy định của chức danh kiêm nhiệm.

2. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp, mức hỗ trợ của chức danh cao nhất. Phụ cấp kiêm nhiệm, phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

**Điều 5.** **Mức khoán** **kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã**

Mức khoán kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã *(gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh)* được phân bổ trong dự toán ngân sách hàng năm([[1]](#footnote-1)). Ngoài ra ngân sách hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã là 1.500.000 đồng/xã, phường, thị trấn/năm.

**5. Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 của HĐND tỉnh về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 5, HĐND tỉnh Khóa XII.**

**Điều 1.** Phiên chất vấn tại Kỳ họp thứ 6 Hội đồng nhân dân tỉnh đã có 09 đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chất vấn 09 nội dung về công tác quy hoạch, bồi thường giải phóng mặt bằng ở một số công trình, dự án trên địa bàn thành phố Kon Tum; việc giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 của tỉnh Kon Tum; việc thực hiện dự án, bố trí sắp xếp ổn định dân cư tại các điểm định cư đã hoàn thành; việc xây dựng nông thôn mới; tình hình nợ đọng bảo biểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp ở một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; việc thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hoá gia đình ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; về vấn đề học thêm, thi cử và điểm số đối với học sinh; việc điều chỉnh giá nước và áp giá nước; việc quản lý chất lượng của các cơ sở hành nghề y ngoài công lập trên địa bàn tỉnh.

Tại Kỳ họp đã có 06 thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh và lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum trả lời trực tiếp 06 nội dung chất vấn; các nội dung còn lại, các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh đã trả lời bằng văn bản, gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và người chất vấn theo quy định.

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất đánh giá: phiên chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 6 Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII đã diễn ra nghiêm túc, có trọng tâm và mang tính xây dựng cao. Hội đồng nhân dân tỉnh ghi nhận nỗ lực, cố gắng của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ngành, địa phương trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ đối với các nội dung chất vấn và cơ bản tán thành với nội dung báo cáo, phương hướng, nhiệm vụ công tác trong thời gian tới và các cam kết, lời hứa khắc phục các hạn chế, yếu kém mà lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các ngành chức năng đã trình bày tại phiên họp.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các sở, ngành, địa phương có liên quan có kế hoạch, giải pháp cụ thể để thực hiện lời hứa, cam kết với Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực được chất vấn, trong đó, lưu ý triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

**1. Về công tác quy hoạch, bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện một số công trình, dự án trên địa bàn thành phố Kon Tum**

- Sớm phê duyệt Quy hoạch chung thành phố Kon Tum đến năm 2040. Sau khi quy hoạch được phê duyệt, tiếp tục rà soát, xác định cụ thể trên thực địa từng vị trí được quy hoạch đất ở, đất cây xanh, đất công trình công cộng và các khu chức năng khác, bảo đảm đúng quy định của pháp luật về quy hoạch, tính khả thi của đồ án quy hoạch và lợi ích của cộng đồng.

- Chỉ đạo các sở, ngành và các địa phương tiếp tục gặp gỡ, đối thoại với Nhân dân để thống nhất giải pháp xử lý dứt điểm các bất cập, vướng mắc liên quan đến đất đai, đơn giá bồi thường thuộc trách nhiệm của chính quyền, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giải phóng mặt bằng và đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh, nhất là các dự án trọng điểm, các dự án tại thành phố Kon Tum. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố rà soát, đơn giản hóa thủ tục thu hồi đất; đồng thời tập trung làm tốt hơn nữa công tác vận động, tuyên truyền để người dân hiểu rõ quy định của pháp luật, lợi ích của việc đầu tư, xây dựng các công trình và tính hợp lý, hợp pháp của đơn giá bồi thường…từ đó tích cực phối hợp, hưởng ứng chủ trương thu hồi đất, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để các quy hoạch, công trình, dự án được thực hiện đúng tiến độ, góp phần chỉnh trang đô thị và thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương.

**2. Về việc giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 của tỉnh Kon Tum**

- Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương nghiêm túc rút kinh nghiệm trong công tác tham mưu, thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực đầu tư công; tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án, phấn đấu giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 ở mức cao nhất.

- Chỉ đạo kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm, có biện pháp xử lý hoặc đề xuất có thẩm quyền xử lý đối với Chủ đầu tư các công trình, dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, chưa chủ động, quyết liệt trong thực hiện nhiệm vụ được giao dẫn đến giải ngân thấp.

**3. Về thực hiện dự án, bố trí sắp xếp ổn định dân cư tại các điểm định cư đã hoàn thành trên địa bàn huyện Đăk Glei và huyện Tu Mơ Rông.**

- Khẩn trương bố trí kinh phí hỗ trợ về nhà ở, kinh phí di chuyển cho các hộ dân trong vùng dự án; sớm bàn giao đất và tài sản trên đất thuộc các dự án này cho các địa phương quản lý, sử dụng; phê duyệt danh sách hộ gia đình thuộc diện tái định cư, tổ chức phân lô, bốc thăm nhận đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ này để sớm ổn định đời sống, sản xuất.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các dự án tái định canh, định cư, dự án dãn dân trên địa bàn toàn tỉnh để phát hiện, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền. Rúy kinh nghiệm và chấn chỉnh nghiêm túc việc khảo sát, lập hồ sơ chuẩn bị đầu tư, bảo đảm cho các dự án được triển khai đúng tiến độ, đưa vào khai thác, sử dụng hiệu quả, đúng mục tiêu đã xác định.

**4. Về chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**

- Tăng cường hơn nữa vai trò, trách nhiệm của sở, ngành, cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là cấp huyện, xã trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, phải tiếp tục chỉ đạo có giải pháp cụ thể để duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí. Đối với các xã phấn đấu đạt chuẩn xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu phải có kế hoạch, giải pháp cụ thể để hoàn thành các tiêu chí, mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra.

- Có kế hoạch cụ thể để kiểm tra việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới để nắm bắt và chỉ đạo, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của từng xã, thôn. Chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp huy động các nguồn lực, trước hết là nguồn lực từ sự nỗ lực, cố gắng vươn lên của từng hộ gia đình. Quan tâm lồng ghép, thực hiện thật tốt các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác đang đầu tư trên địa bàn, chủ động bố trí ngân sách địa phương, huy động nguồn vốn xã hội hóa để hỗ trợ người dân phát triển sản xuất, xóa nhà tạm, giảm nghèo..., phấn đấu hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới đã đề ra, nhưng không chạy theo thành tích.

**5. Về vấn đề học thêm, thi cử và điểm số đối với học sinh**

- Làm tốt công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh ở các cấp học và công tác phối hợp giữa gia đình với nhà trường để có giải pháp giáo dục, hỗ trợ học sinh phù hợp. Đồng thời, tập trung tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho phụ huynh, học sinh về định hướng nghề nghiệp, bảo đảm phù hợp với sở trường, năng lực năng lực riêng của mỗi học sinh.

- Tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra về dạy thêm học thêm ở ngoài nhà trường, nhất là việc dạy thêm, học thêm trong dịp hè, bảo đảm công bằng trong giáo dục và đúng theo quy định của ngành.

­**6. Về thực hiện chính sách về dân số, kế hoạch hóa gia đình**

- Đẩy mạnh tuyên truyền về chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình bằng các phương thức, hình thức phù hợp, nhất là ở vùng có tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động tổ chức bộ máy làm công tác dân số các cấp. Đồng thời, tập trung nguồn lực triển khai có hiệu quả các chương trình, đề án, mô hình về dân số, kế hoạch hóa gia đình, để mỗi gia đình trong độ tuổi sinh đẻ có số con phù hợp, tập trung cho phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo bền vững, vươn lên làm giàu, khá giả.

- Xem xét, có biện pháp chấn chỉnh, xử lý các đơn vị, địa phương chưa thật sự quan tâm, sâu sát, chỉ đạo quyết liệt về công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình để tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên còn cao ở năm 2024 và các năm tiếp theo.

**7. Về các nội dung khác**

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ngành, đơn vị liên quan tiếp thu nghiêm túc kiến nghị xác đáng của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, triển khai thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra, khắc phục sớm nhất các hạn chế, tồn tại và nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với các nội dung đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã chất vấn *(tại hội trường và bằng văn bản)*../.

---------------

1. ()  Tối thiểu 25% so với tổng chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể (cấp huyện, cấp xã) quy định tại khoản 3 Điều 19 Quy định kèm theo Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. [↑](#footnote-ref-1)